

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

Số: **133** /STC-TCHCSN
V/v đơn đốc thực hiện báo cáo kết quả
thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 06 tháng 01 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2015 Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo quy định, thời hạn nộp báo cáo cơ chế tự chủ của các cơ quan nhà nước chậm nhất trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

Để có số liệu thực hiện chế độ tự chủ năm 2021 tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định; Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ theo Phụ lục số 01, 02 và 03 kèm theo Công văn này.

Các cơ quan chủ quản tập hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc, các huyện, thị xã, thành phố tập hợp số liệu của các đơn vị trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý (Số liệu biểu báo cáo chi tiết tên đơn vị).

Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời gửi số liệu báo cáo trước ngày 14/01/2022./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, các PGD;
- Phòng QLNS
- Lưu: VT, TC HCSN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hải Hà

Phụ lục số 02

(Kèm theo Công văn số : /STC-TCHCSN ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

ĐƠN VỊ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ
130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY
07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Dùng cho các cơ quan trực thuộc báo cáo Sở chủ quản, địa phương và Sở Tài Chính)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.
- ...

II/ Đánh giá cụ thể:

1. Kinh phí quản lý hành chính được giao: (tổng số)

Trong đó:

- * Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ :.....đồng, trong đó:
 - Số kinh phí thực hiện:.....đồng
 - Số kinh phí tiết kiệm được:.....đồng

Trong đó:

- + Tiết kiệm chi quỹ lương:
- + Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): ...

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (Tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:..... %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần báo cáo đánh giá theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện: Đánh giá theo từng nhiệm vụ (dự toán giao; khối lượng, chất lượng công việc thực hiện);

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong: Tên nhiệm vụ, dự toán đã giao, số chưa thực hiện, lý do chưa thực hiện.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

2/ *Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:*

- Thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ công chức và người lao động:..... đ/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần/tháng.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất đ/tháng

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất đ/tháng

- Trích Quỹ và các khoản chi khác: đồng

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

3/ *Các biện pháp thực hành tiết kiệm:*

- ...

- ...

4/ *Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:*

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... , ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Phụ lục số 01

(Kèm theo Công văn số : /STC-TCHCSN ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

ĐƠN VỊ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ
130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY
07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Dùng cho: Các cơ quan, Sở chủ quản, địa phương báo cáo Sở Tài chính)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.
- ...

II/ Đánh giá cụ thể:

1/ Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ:

- Cơ quan cấp tỉnh:
 - + Số lượng Sở, Ban, ngành cấp tỉnh:
 - + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:
- Cơ quan cấp huyện:
 - + Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện:
 - + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:
- Cấp xã:
 - + Số lượng xã:
 - + Số đã được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

2/ Về kinh phí:

a/ Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số)

Trong đó:

- * Kinh phí thực hiện tự chủ:..... đồng
- Số kinh phí thực hiện:..... đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được:..... đồng

+ Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương)

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí:.....đơn vị

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:.....%

- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất:.....%

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần tổng hợp báo cáo theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện.

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

b/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần..... đơn vị

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là đ/tháng (tên đơn vị);

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là đ/tháng (tên đơn vị).

- Trích Quỹ và các khoản chi khác:

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

...

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

.....

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... , ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

BÁO CÁO THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NĂM 2021
 (Kèm theo Công văn số: /STC-TCHCSN ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

Đơn vị: tr đồng

TT	Đơn vị	Biên chế		KP được giao 2021		KP thực hiện năm 2021			Tỷ lệ tiết kiệm (%)	Sử dụng KP tiết kiệm được						Đánh giá chi thu nhập tăng thêm			Hệ số thu nhập tăng thêm								
		KH (người)	TH (người)	Tự chủ	Không tự chủ	Tự chủ (Không bao gồm KP tiết kiệm được tại cột 9,10)	Không tự chủ	Tổng		Từ quỹ lương tiền lương	Chi khác	Chi thu nhập tăng thêm	Trích quỹ ổn định thu nhập	Các khoản chi khác (Phúc lợi, khen thưởng ...)	Chuyển sang năm sau	Số tiền bình quân/người (tr đồng/người)	Số tiền được hưởng cao nhất (tr đồng/người)	Thấp nhất (tr đồng/người)	Dưới 1 lần	Từ 1 đến dưới 2 lần	Từ 2 đến dưới 3 lần	Trên 3 lần					
A	B	1	2	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=8*10 0/4	12=8-(13+...+16)	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
	Tổng cộng:																										

.....Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị